

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 03-4- 2018.

V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM,
TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bé Tư.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Triều.

2. Ông Nguyễn Văn Cơ Ba.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Trúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Vũng Liêm tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Hạnh – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 686/2017/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2017 về “tranh chấp Hôn nhân gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2018/QĐXX-ST ngày 19 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Nguyễn Thị Kim L – sinh ngày: 28/6/1979 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Tổ 19, khóm 4, phường C, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

2. *Bị đơn:* anh Mai Hữu N – sinh năm: 1979 (Có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp R, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/02/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim L trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim L và anh Mai Hữu N tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2010, do quen biết nhau trước, được sự đồng ý của cha mẹ hai bên, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn.

Sau ngày cưới, chị và anh N sống chung với cha mẹ ruột của chị tại khóm 4, phường C, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long. Vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 4 năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị và anh N ở cách xa nhau, không có thời gian tìm hiểu tính tình của nhau nên khi về sống chung anh N không lo kinh tế gia đình mọi gánh nặng trong gia đình chị L đều phải gánh vác. Từ đó, chị và anh N thường hay cự cãi dẫn đến tình cảm phai nhạt, không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Chị L có khuyên nhưng anh N không khắc phục để giải quyết vấn đề mâu thuẫn. Chị và anh N ly thân từ tháng 08 năm 2017 cho đến nay.

Nay chị Nguyễn Thị Kim L nhận thấy tình cảm giữa chị và anh N không còn, đời sống chung không thể kéo dài nên chị yêu cầu Tòa án không công nhận giữa chị và anh Mai Hữu N là vợ chồng.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, giữa chị và anh N không có con chung nên chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu toà án giải quyết.

Về nợ chung phải thu, phải trả: Chị L không yêu cầu toà án giải quyết.

** Tại bản khai ý kiến và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Mai Hữu N trình bày như sau:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh Mai Hữu N và chị Nguyễn Thị Kim L tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2010, do quen biết nhau trước, được sự đồng ý của cha mẹ hai bên, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn.

Sau ngày cưới, anh và chị L sống riêng tư tại khóm 4, phường C, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long. Vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 3 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh N đi học lên lớp kỹ sư thì chị L không chăm lo cho anh. Anh N có khuyên nhưng chị L vẫn không thay đổi từ đó nảy sinh nhiều vấn đề mâu thuẫn không thể khắc phục được. Anh và chị L ly thân từ tháng 03 năm 2017 cho đến nay.

Nay nhận thấy tình cảm giữa anh và chị L không thể hàn gắn sống chung nên anh N đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị Kim L.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, giữa anh và chị L không có con chung nên anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh N không yêu cầu toà án giải quyết.

Về nợ chung phải thu, phải trả: Anh N không yêu cầu toà án giải quyết.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm có ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật.

Ý kiến về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 147, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 14, điểm a khoản 5 Điều 27

của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị Kim L và anh Mai Hữu N là vợ chồng.

- Về con chung: Chị L và anh N không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn xét.

- Về tài sản chung và nợ chung phải thu, phải trả: Chị L và anh N cùng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí sơ thẩm: chị Nguyễn Thị Kim L phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

* Các tài liệu, chứng cứ của vụ án bao gồm: Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số: 307/UBND-XNTTHN ngày 16/11/2017 của Ủy ban nhân dân phường C; Đơn xin xác nhận tình trạng hôn nhân (Xác nhận của Ủy ban nhân dân xã T); Sổ hộ khẩu gia đình (bản sao); Giấy chứng minh nhân dân của chị Nguyễn Thị Kim L (bản sao).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ được thể hiện tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên Toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn anh Mai Hữu N có đơn xin vắng mặt ngày 08/01/2018, theo quy định tại điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xem xét đơn xin vắng mặt của anh N và nhận thấy việc vắng mặt anh N không gây cản trở cho việc xét xử vụ án nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh N tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2010, do quen biết nhau trước, được cha mẹ hai bên thừa nhận, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Vì vậy, hôn nhân giữa chị L và anh N không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Kim L và anh Mai Hữu N thống nhất cùng trình bày trong thời gian chung sống giữa chị và anh không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Kim L và anh Mai Hữu N thống nhất xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung phải thu, phải trả: Chị Nguyễn Thị Kim L và anh Mai Hữu N thống nhất xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim L phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lý do trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 14, Điều 51, Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Tuyên bố:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị Kim L và anh Mai Hữu N là vợ chồng.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị Kim L và anh Mai Hữu N thống nhất xác định không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Kim L và anh Mai Hữu N thống nhất xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung phải thu, phải trả: Nguyễn Thị Kim L và anh Mai Hữu N thống nhất xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị Kim L phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp tại biên lai số N⁰ 0008475 ngày 17 tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm. Chị Nguyễn Thị Kim L đã nộp đủ không phải nộp thêm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- THADS huyện Vũng Liêm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Đã ký

Nguyễn Văn Bé Tư